suggestion particle	white	hundred
to help	newspaper	than; to compare
cheap	don't	to sing

百 bǎi	白 bái	吧 ba
比 bǐ	报纸 bào zhǐ	帮助 bāng zhù
唱歌 chàng gē	别 bié	便宜 pián yi

to go out; to come out	to wear	boat
measure word for times	from	wrong; mistake
to play basketball	everyone	but

船 chuán	穿 chuān	出 chū
错 cuò	从 cóng	次 cì
但是 dàn shì	大家 dà jiā	打篮球 dǎ lán qiú

to arrive; to	degree complement particle	younger brother
first	to understand	room
very	waiter	tall; high

弟弟 dì di	得 de	到 dào
房间 fáng jiān	懂 dǒng	第一 dì yī
高 gāo	服务员 fú wù yuán	非常 fēi cháng

to tell	older brother	to give
bus	kilogram	company
expensive	still; also	child

给 gěi	哥哥 gē ge	告诉 gào su
公司 gōng sī	公斤 gōng jīn	公共汽车 gōng gòng qì chē
孩子 hái zi	还 hái	贵 guì

tasty	date (day of the month); number	black
red	to welcome	to answer
airport	egg	measure word for clothes and matters

黑 hēi	号 hào	好吃 hǎo chī
回答 huí dá	欢迎 huān yíng	红 hóng
件 jiàn	鸡蛋 jī dàn	机场 jī chǎng

classroom	to introduce	older sister
near	to enter; to come in	then
to feel; to think	coffee	to begin

姐姐 jiě jie	介绍 jiè shào	教室 jiào shì
就 jiù	进 jìn	近 jìn
开始 kāi shǐ	咖啡 kā fēi	觉得 jué de

exam; to take an exam	maybe; possible	can
lesson	fast; soon	happy
tired	away from	two

可以 kě yǐ	可能 kě néng	考试 kǎo shì
快乐 kuài lè	快 kuài	课 kè
两 liǎng	离 lí	累 lèi

road	to travel; tourism	to sell
slow	busy	each
younger sister	door	man

卖 mài	旅游 lǚ yóu	路 lù
每 měi	忙 máng	慢 màn
男人 nán rén	门 mén	妹妹 mèi mei

you	milk	woman
beside; next to	to run; to jog	ticket
wife	to get up	thousand

女人 nǚ rén	牛奶 niú nǎi	您 nín
票 piào	跑步 pǎo bù	旁边 páng biān
千 qiān	起床 qǐ chuáng	妻子 qī zi

sunny	last year	to let
to go to work	body; health	to fall ill
birthday	time	matter; thing (to do)

让 ràng	去年 qù nián	晴 qíng
生病 shēng bìng	身体 shēn tǐ	上班 shàng bān
事情 shì qing	时间 shí jiān	生日 shēng rì

wristwatch	mobile phone	to give (as a gift); to see off
therefore	it	to kick
question (in a test)	to dance	outside

送 sòng	手机 shǒu jī	手表 shǒu biǎo
踢 tī	它 tā	所以 suǒ yǐ
外 wài	跳舞 tiào wǔ	题 tí

to finish	to play	evening
for	to ask	question
to hope	to wash	watermelon

晚上 wǎn shang	玩 wán	完 wán
问题 wèn tí	问 wèn	为 wèi
西瓜 xī guā	洗 xǐ	希望 xī wàng

towards	hour	to laugh
new	surname; to be surnamed	to rest
snow	color	eye

笑 xiào	小时 xiǎo shí	向 xiàng
休息 xiū xi	姓 xìng	新 xīn
眼睛 yǎn jing	颜色 yán sè	雪 xuě

mutton	medicine	to want; will; need
also	together	already
meaning	because	overcast

要 yào	药 yào	羊肉 yáng ròu
已经 yǐ jīng	一起 yī qǐ	也 yě
阴 yīn	因为 yīn wèi	意思 yì si

to swim	right side	fish
yuan	far	sports
again	early morning	measure word for flat objects

鱼 yú	右边 yòu bian	游泳 yóu yǒng
运动 yùn dòng	远 yuǎn	元 yuán
张 zhāng	早上 zǎo shang	再 zài

long	husband	to look for; to give change
continuous-aspect particle	really	in the process of
to know	to prepare; to plan to	bicycle

找 zhǎo	丈夫 zhàng fu	长 cháng
正在 zhèng zài	真 zhēn	着 zhe
自行车 zì xíng chē	准备 zhǔn bèi	知道 zhī dào

to walk	most	left

左边 zuǒ bian	最 zuì	走 zǒu